

Số: 1880 /CNPĐ-KHKD-KTATMT
V/v đề nghị báo giá chi phí cung cấp vật tư
dự phòng cho bơm nước cấp chính lò hơi tại
Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2

Hà Nội, ngày 28 tháng 10 năm 2024

Kính gửi: Các nhà cung cấp

Chi nhánh Phát điện Dầu khí là Chi nhánh trực thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, có trụ sở tại Tầng 18, Tòa nhà Dầu khí Việt Nam, số 18 Phố Láng Hạ, Phường Thành Công, quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, chịu trách nhiệm quản lý, vận hành Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 và Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1.

Hiện nay, Chi nhánh Phát điện Dầu khí đang có nhu cầu mua vật tư dự phòng cho bơm nước cấp chính lò hơi tại Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 (công suất thiết kế 2x600MW), địa điểm tại thôn Chỉ Thiện, Xã Mỹ Lộc, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình. Do đó, Chi nhánh chúng tôi rất mong các nhà cung cấp có năng lực, kinh nghiệm trong lĩnh vực cung cấp bơm/vật tư bơm tại Việt Nam xem xét, hỗ trợ báo giá với các thông tin như đính kèm.

Báo giá được ký tên, đóng dấu bởi đại diện của Quý Công ty và gửi tới Chi nhánh Phát điện Dầu khí – Tầng 18, Tòa nhà Dầu khí Việt Nam, số 18 Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội trước ngày 05/11/2024. File mềm (soft copy) xin gửi về địa chỉ email: vanthuhn@pvpgeb.vn và thanhnt@pvpgeb.vn. Mọi thông tin cần trao đổi, làm rõ xin liên hệ: Ông Nguyễn Trung Thành – Phòng KHKD, ĐT: 09832.08832.

Rất mong nhận được sự quan tâm và hợp tác.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên;
- GĐCN (để b/c);
- Lưu: VT, KTATMT, KHKD (N.T.T).

Đính kèm:

- Biểu chào giá;
- Phạm vi công việc và yêu cầu kỹ thuật.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Hoàng Quyết Thắng



BIỂU CHÀO GIÁ
CUNG CẤP VẬT TƯ DỰ PHÒNG CHO BƠM NƯỚC CẤP CHÍNH LÒ HƠI TẠI NHÀ MÁY NHIỆT ĐIỆN THÁI BÌNH 2
(Đính kèm văn bản số /CNPĐ-KHKD-KTATMT ngày /10/2024)

STT	Danh mục hàng hóa và dịch vụ	Thông số kỹ thuật	Nhà sản xuất	Khối lượng	Đơn vị tính	Xuất xứ	Đơn giá (trước thuế)	Thành tiền (trước thuế)	Thời gian cung cấp
	TỔNG CỘNG TRƯỚC THUẾ								
	THUẾ, PHÍ CÓ LIÊN QUAN								
	TỔNG CỘNG SAU THUẾ								

(Bằng chữ: đồng)

- Điều khoản thương mại:**
- Địa điểm giao hàng:** tại vị trí chỉ định của Bên mua tại Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 – thôn Chi Thiện, Xã Mỹ Lộc, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình
 - Yêu cầu về hàng hóa:**
 - Hàng hóa mới 100% chưa qua sử dụng và có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, được sản xuất hoàn thiện từ năm 2024 đến nay.
 - Bảo hành:**
 - Thời gian bảo hành: tối thiểu 12 tháng kể từ ngày hàng hóa nghiệm thu;
 - Giá trị giữ lại nhằm đảm bảo nghĩa vụ bảo hành của nhà thầu: 5% giá trị quyết toán Hợp đồng.
 - Điều khoản tạm ứng/thanh toán:**
 - Tạm ứng: 10% giá trị hợp đồng
 - Thanh toán đến 100% giá trị hàng hóa được nghiệm thu của từng đợt giao hàng
 - Hiệu lực của báo giá:** 60 ngày kể từ ngày gửi báo giá.

ĐẠI DIỆN CÔNG TY
(ký tên, đóng dấu)



PHẠM VI CÔNG VIỆC VÀ YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

(Đính kèm văn bản số /CNPĐ-KHKD-KTATMT ngày /10/2024)

Nhà thầu cung cấp đầy đủ khối lượng hàng hóa, theo đúng chủng loại và theo các thông số kỹ thuật, tiêu chuẩn kỹ thuật như danh mục dưới đây:

TT	Tên vật tư	Chi tiết vật tư	Mã vật tư (*)	Mô tả hàng hóa (*)	ĐVT	SL	Nhà sản xuất gốc
1	ROTOR ASSEMBLY SET (BỘ RUỘT BƠM)	Casing Ring	1101	ASTM A73 CA40	Cái	4	Hyundai Heavy Industry (*)
2		Inter Bush	1107	ASTM A73 CA40	Cái	3	Hyundai Heavy Industry (*)
3		Suction Casing	1110	ASTM A743 CA6NM	Cái	1	Hyundai Heavy Industry (*)
4		Inter Casing (R/H Spray)	1142	ASTM A743 CA6NM	Cái	1	Hyundai Heavy Industry (*)
5		Inter Casing (2nd Stg)	1143	ASTM A743 CA6NM	Cái	1	Hyundai Heavy Industry (*)
6		Inter Casing (3rd Stg)	1144	ASTM A743 CA6NM	Cái	1	Hyundai Heavy Industry (*)
7		Guide Vane (Series)	1191	ASTM A743 CA6NM	Cái	3	Hyundai Heavy Industry (*)
8		Guide Vane (Last Stg)	1192	ASTM A743 CA6NM	Cái	1	Hyundai Heavy Industry (*)
9		Impeller	1212	ASTM A743 CA6NM	Cái	4	Hyundai Heavy Industry (*)
10		Shaft	1221	ASTM A182 F6a CL.3	Cái	1	Hyundai Heavy



TT	Tên vật tư	Chi tiết vật tư	Mã vật tư (*)	Mô tả hàng hóa (*)	ĐVT	SL	Nhà sản xuất gốc
							Industry (*)
11		Coupling Nut	1222	JIS S45C-N/ASTM A576 1045-N	Cái	1	Hyundai Heavy Industry (*)
12		Impeller Key (Series)	1242	JIS SUS410Q/ASTM A276 410Q	Cái	8	Hyundai Heavy Industry (*)
13		Balance Sleeve Key	1243	JIS SUS410Q/ASTM A276 410Q	Cái	2	Hyundai Heavy Industry (*)
14		Coupling Key	1244	JIS S45C-H/ASTM A576 1045-H	Cái	2	Hyundai Heavy Industry (*)
15		Thrust Collar Key	1245	JIS S45C-H/ASTM A576 1045-H	Cái	1	Hyundai Heavy Industry (*)
16		Inter Sleeve (2nd, 4th Stg)	1252	ASTM A743 CA40	Cái	2	Hyundai Heavy Industry (*)
17		Inter Sleeve (3rd Stg)	1253	ASTM A743 CA40	Cái	1	Hyundai Heavy Industry (*)
18		Split Ring (Series)	1254	JIS SUS410Q/ASTM A276 410Q	Cái	1	Hyundai Heavy Industry (*)
19		Split Ring (Balance Sleeve)	1255	JIS SUS410Q/ASTM A276 410Q	Cái	1	Hyundai Heavy Industry (*)
20		Split Ring Holder	1256	JIS SUS410Q/ASTM A276 410Q	Cái	1	Hyundai Heavy Industry (*)
21		Balance Sleeve	1271	ASTM A743 CA40	Cái	2	Hyundai Heavy Industry



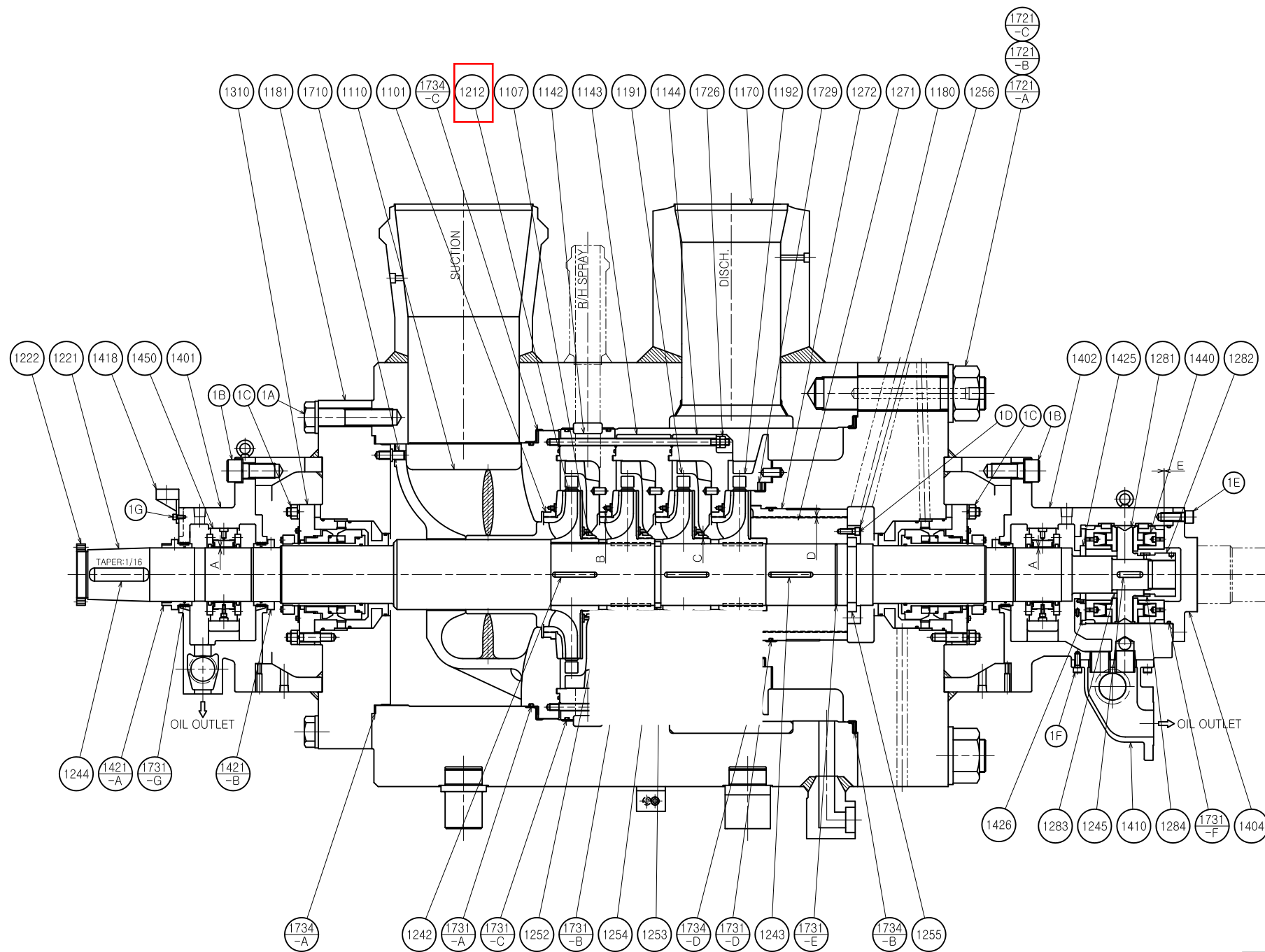
TT	Tên vật tư	Chi tiết vật tư	Mã vật tư (*)	Mô tả hàng hóa (*)	ĐVT	SL	Nhà sản xuất gốc
							(*)
22		Thrust Collar	1281	JIS S45C-H/ASTM A576 1045-H	Cái	1	Hyundai Heavy Industry (*)
23		Thrust Collar Nut	1282	JIS SCM435/ASTM A32204137	Cái	1	Hyundai Heavy Industry (*)
24		Locating Ring	1283	JIS SCM435/ASTM A32204137	Cái	1	Hyundai Heavy Industry (*)
25		Set Ring	1284	JIS SCM435/ASTM A32204137	Cái	1	Hyundai Heavy Industry (*)
26		Deflector (C)	1421-A	JIS BC6/ASTM B584 C83600	Cái	1	Hyundai Heavy Industry (*)
27		Deflector (M)	1421-B	JIS BC6/ASTM B584 C83600	Cái	2	Hyundai Heavy Industry (*)
28		Oil Seal Ring	1425	JIS BC6/ASTM B584 C83600	Cái	4	Hyundai Heavy Industry (*)
29		Oil Seal Ring Retainer	1426	JIS SS400/ASTM A36	Cái	1	Hyundai Heavy Industry (*)
30		Tie Bolt, Nut	1726	JIS SUS304/ASTM A276 304	Cái	12	Hyundai Heavy Industry (*)
31		O-ring/Back-up ring	1731-A	VITON 902 PTFE/FKM PTFE	Cái	1	Hyundai Heavy Industry (*)
32		O-ring	1731-B	VITON 902 /FKM	Cái	3	Hyundai Heavy Industry



TT	Tên vật tư	Chi tiết vật tư	Mã vật tư (*)	Mô tả hàng hóa (*)	ĐVT	SL	Nhà sản xuất gốc
							(*)
33		O-ring/Back-up ring	1731-C	VITON 902 PTFE/FKM PTFE	Cái	2	Hyundai Heavy Industry (*)
34		O-ring/Back-up ring	1731-D	VITON 902 PTFE/FKM PTFE	Cái	1	Hyundai Heavy Industry (*)
35		O-ring	1731-E	VITON 902 /FKM	Cái	1	Hyundai Heavy Industry (*)
36		O-ring	1731-F	VITON 902 /FKM	Cái	1	Hyundai Heavy Industry (*)
37		O-ring	1731-G	VITON 902 /FKM	Cái	3	Hyundai Heavy Industry (*)

❖ **Ghi chú (*):** Mã vật tư, mô tả hàng hóa, nhà sản xuất gốc nêu trong bảng trên là của các vật tư/thiết bị hiện hữu đang được sử dụng trong các hệ thống của NMNĐ Thái Bình 2 (Model bơm nhà máy đang dùng là: 400HMBR04 của Nhà sản xuất Hyundai Heavy Industry).





NOZZLE RATING	
SUCTION	DN350 SCH.40, BW
DISCHARGE	DN350(I.D=273), BW
R/H SPRAY	DN65 SCH.80, BW

REFERENCE DRAWING LIST

- OUTLINE DRAWING FOR MAIN BFP & BFBP : TB2-SDC.VP103-00LAC-M-M1B-DGA-0001
- FOUNDATION DRAWING FOR MAIN BFP & BFBP : TB2-SDC.VP103-00LAC-M-M1B-DFN-0001
- P & I DIAGRAM FOR MAIN BFP & BFBP : TB2-SDC.VP103-00LAC-M-M1B-PID-0001
- CROSS OVER PIPING DRAWING FOR MAIN BFP & BFBP : TB2-SDC.VP103-00LAC-M-M1B-DSE-0015

TOTAL WEIGHT OF PUMP
12,000 kg

RUNNING CLEARANCE TABLE	
NO.	CLEARANCE (mm)
A	0.164 ~ 0.216 (DIA)
B	0.52 ~ 0.58 (DIA)
C	0.52 ~ 0.58 (DIA)
D	0.52 ~ 0.58 (DIA)
E	0.10 ~ 0.15 (TOTAL) (THRUST BEARING END-PLAY)

FOR FINAL

Daelim Industrial Co., Ltd.

Job No. 110180

A - APPROVED

B - APPROVED WITH COMMENTS

C - RETURNED FOR CORRECTION

D - REJECTED

N - NOT APPLICABLE (REFERENCE ONLY)

SIGNED BY : DATE :

DIC'S PERMISSION TO PROCEED OR REVIEW TAKEN ON VENDOR PRINTS SHALL NOT RELIEVE VENDOR FROM ITS RESPONSIBILITIES OR LIABILITIES UNDER THE PURCHASE ORDER.

HYUNDAI
HEAVY INDUSTRIES

FUNCTION NAME SIGN DATE

CHKD D.J.LEE APR.13.2015

APPD T.J.LUNG APR.13.2015

DRAWING NO. TB2-SDC.VP103-00LAC-M-M1B-DSE-0001

JOB NO. 110180

SCALE 1/6

REV. NO. 3

NO.	DESCRIPTION	Q'TY	APPLICABLE CODE	EQUIVALENT TO ASTM CODE	REMARKS
1101	CASING RING	4	ASTM A743 CA40		
1107	INTER BUSH	3	ASTM A743 CA40		
* 1110	SUCTION CASING	1	ASTM A743 CA6NM		
* 1142	INTER CASING(R/H SPRAY)	1	ASTM A743 CA6NM		
* 1143	INTER CASING(2ND STG)	1	ASTM A743 CA6NM		
* 1144	INTER CASING(3RD STG)	1	ASTM A743 CA6NM		
1170	OUTER CASING	1	ASTM A105		
1180	CASING COVER	1	ASTM A105		
1181	SUCTION COVER	1	ASTM A105		
* 1191	GUIDE VANE(SERIEIES)	3	ASTM A743 CA6NM		
* 1192	GUIDE VANE(LAST STG)	1	ASTM A743 CA6NM		
* 1212	IMPELLER	4	ASTM A743 CA6NM		
* 1221	SHAFT	1	ASTM A182 F6a CL.3		
1222	COUPLING NUT	1	JIS S45C-N	ASTM A576 1045-N	
* 1242	IMPELLER KEY(SERIES)	8	JIS SUS410Q	ASTM A276 410Q	
* 1243	BALANCE SLEEVE KEY	2	JIS SUS410Q	ASTM A276 410Q	
1244	COUPLING KEY	2	JIS S45C-H	ASTM A576 1045-H	
1245	THRUST COLLAR KEY	1	JIS S45C-H	ASTM A576 1045-H	
* 1252	INTER SLEEVE(2ND,4TH STG)	2	ASTM A743 CA40		
* 1253	INTER SLEEVE(3RD STG)	1	ASTM A743 CA40		
* 1254	SPLIT RING(SERIES)	1	JIS SUS410Q	ASTM A276 410Q	
* 1255	SPLIT RING(BALANCE SLEEVE)	1	JIS SUS410Q	ASTM A276 410Q	
* 1256	SPLIT RING HOLDER	1	JIS SUS410Q	ASTM A276 410Q	
* 1271	BALANCE SLEEVE	1	ASTM A743 CA40		
1272	BALANCE BUSH	1	ASTM A743 CA40		
1281	THRUST COLLAR	1	JIS S45C-H	ASTM A576 1045-H	
1282	THRUST COLLAR NUT	1	JIS SCM435	ASTM A322 4137	
1283	LOCATING RING	1	JIS SCM435	ASTM A322 4137	
1284	SET RING	1	JIS SCM435	ASTM A322 4137	
1310	MECHANICAL SEAL	2 SETS	PURCHASE		
1401	BEARING HOUSING(DE)	1	JIS FCD500	ASTM A536 80-55-06	
1402	BEARING HOUSING(NDE)	1	JIS FCD500	ASTM A536 80-55-06	
1404	BEARING HOUSING COVER	1	JIS SS400	ASTM A36	
1410	SIGHT FLOW BOX	1	JIS FCD500	ASTM A536 80-55-06	
1418	PROBE STAND	1	JIS SS400	ASTM A36	
* 1421-A	DEFLECTOR(C)	1	JIS BC6	ASTM B584 C83600	
* 1421-B	DEFLECTOR(M)	2	JIS BC6	ASTM B584 C83600	
* 1425	OIL SEAL RING	1	JIS BC6	ASTM B584 C83600	
1426	OIL SEAL RING RETAINER	1	JIS SS400	ASTM A36	
1440	THRUST BEARING	1 SET	STEEL+W/METAL		KINGSBURY TYPE
1450	RADIAL BEARING	2 SETS	STEEL+W/METAL		TILTING PAD TYPE

NOTE:
1. "*" item means internal parts.

DOCUMENT SUBMISSION STATUS:FF

REV	DATE	DESCRIPTION	PREP	CHKD	APRD	APRD
1	APR.13.2015	FOR FINAL	J.W.SHIN	D.J.LEE		T.J.LUNG
2	SEP.24.2014	FOR FINAL	J.W.SHIN	D.J.LEE		J.Y.AHN
3	MAY.26.2014	FOR FINAL	J.W.SHIN	D.J.LEE		LS.KOO
4	FEB.22.2014	FOR FINAL	J.W.SHIN	D.J.LEE		LS.KOO

OWNER: VIETNAM OIL AND GAS GROUP (PJV)

EPC CONTRACTOR: PETROVIETNAM CONSTRUCTION JOINT STOCK CORPORATION (PVC)

POWER ISLAND PACKAGE SUPPLIER: SOJITZ CORPORATION

OWNER'S CONSULTANT: FICHTNER GmbH & Co. KG

EPC CONTRACTOR'S CONSULTANT: WorleyParsons

DAELIM INDUSTRIAL CO., LTD.

PROJECT TITLE: THAI BINH2 THERMAL POWER PLANT 2 x 600MW

DRAWING TITLE: SECTIONAL DRAWING FOR MAIN BFP

VENDOR NAME: HYUNDAI HEAVY INDUSTRIES

FUNCTION NAME SIGN DATE

CHKD D.J.LEE APR.13.2015

APPD T.J.LUNG APR.13.2015

DRAWING NO. TB2-SDC.VP103-00LAC-M-M1B-DSE-0001

JOB NO. 110180

SCALE 1/6

REV. NO. 3

NO.	DESCRIPTION	Q'TY	APPLICABLE CODE	EQUIVALENT TO ASTM CODE	REMARKS
1710	LOCATING PIN	1	JIS SUS410Q	ASTM A276410Q	
1721-A	STUD BOLT	12	JIS SCM435	ASTM A322 4137	M80X3P
1721-B	HEX. NUT	12	JIS S45C-H	ASTM A576 1045-H	M80X3P
1721-C	PLAIN WASHER	12	JIS S45C-H	ASTM A576 1045-H	M80
* 1726	TIE BOLT, NUT	12	JIS SUS304	ASTM A276 304	
1729	ADJUSTING RING	2	JIS SUS410Q	ASTM A240 410Q	
1731-A	O-RING/BACK-UP RING	1	VITON 902/PTFE	FKM/PTFE	SPECIAL
1731-B	O-RING	3	VITON 902	FKM	SPECIAL
1731-C	O-RING/BACK-UP RING	2	VITON 902/PTFE	FKM/PTFE	SPECIAL
1731-D	O-RING/BACK-UP RING	1	VITON 902/PTFE	FKM/PTFE	G-310,2T
1731-E	O-RING	1	VITON 902	FKM	G-140
1731-F	O-RING	1	VITON 902	FKM	G-270
1731-G	O-RING	3	VITON 902	FKM	G-130

NO.	DESCRIPTION	Q'TY	APPLICABLE CODE	EQUIVALENT TO ASTM CODE	REMARKS
1734-A	SPIRAL WOUND GASKET	1	SUS304+GRAPH.		SPECIAL
1734-B	SPIRAL WOUND GASKET	1	SUS304+GRAPH.		SPECIAL
1734-C	METAL GASKET	1	SUS304+GRAPH.		SPECIAL
1734-D	SPIRAL WOUND GASKET	1	SUS304+GRAPH.		SPECIAL
1A	HEX. BOLT	16	JIS SCM435	ASTM A193 GR.B7	M42X185L
1B	HEX. SOCKET HEAD CAP BOLT	24	JIS SCM435	ASTM A193 GR.B7	M36X75L
1C	STUD BOLT, NUT	8	JIS SUS304	ASTM A193 GR.B8M	M20X120L
1D	HEX. SOCKET HEAD CAP BOLT	6	JIS SUS304	ASTM A193 GR. B8M	M12X35L
1E	HEX. SOCKET HEAD CAP BOLT	12	JIS SCM435	ASTM A193 GR.B7	M20X55L
1F	HEX. SOCKET HEAD CAP BOLT	4	JIS SCM435	ASTM A193 GR.B7	M12X30L
1G	HEX. SOCKET HEAD CAP BOLT	4	JIS SCM435	ASTM A193 GR.B7	M8X15L